

Số: 101/BC-MNNK

Ninh Khang, ngày 20 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Thực hiện Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, quy định về công khai trong hoạt động của các đơn vị thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Hướng dẫn của Phòng GD&ĐT Hoa Lư về việc triển khai Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT Quy định về công khai trong hoạt động của các đơn vị thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Trường Mầm non Ninh Khang báo cáo thường niên của cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục mầm non năm 2025;

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường: Trường Mầm non Ninh Khang

2. Địa chỉ: Thôn Khánh Trung, xã Ninh Khang, thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình

- Số điện thoại: 0229362286

- Email: mamnonninhkhanghl@gmail.com

- Cổng thông tin điện tử: <http://ninhbinh.edu.vn/mnninhkhang>

3. Loại hình: Công lập

Cơ quan chủ quản: UBND huyện Hoa Lư.

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

- Sứ mệnh: Xây dựng trường Mầm non Ninh Khang là ngôi nhà thứ hai của trẻ. Tạo dựng được môi trường giáo dục thân thiện, có kỷ cương, tình thương, trách nhiệm, có chất lượng giáo dục cao, để mỗi trẻ em đều có cơ hội phát triển toàn diện.

- Tầm nhìn: Trường Mầm non Ninh Khang là một ngôi trường an toàn, thân thiện, uy tín. Nơi khởi đầu tình yêu thương, là môi trường giáo dục đáng tin cậy, chất lượng; Giáo viên, học sinh luôn tự tin, năng động và luôn có khát vọng vươn lên.

- Giá trị cốt lõi:

+ Có lòng nhân ái với trẻ, với mọi người xung quanh.

+ Hợp tác, sáng tạo, khát vọng vươn lên.

+ Đoàn kết, khoan dung, cảm thông, chia sẻ.

+ Trung thực, tôn trọng mình và mọi người.

+ Trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội.

- Mục tiêu: Xây dựng một trường học thân thiện, có uy tín về chất lượng GDMN, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho trẻ, hình thành nhân cách và chuẩn bị tốt cho trẻ vào lớp 1. Xây dựng nhà trường là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với tiềm năng nhà trường và xu thế hội nhập phát triển của đất nước.

5. Quá trình hình thành và phát triển của nhà trường

Trường Mầm non Ninh Khang là trường công lập trực thuộc UBND huyện Hoa Lư, được thành lập năm 1982, nằm trên địa bàn xã Ninh Khang, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. Trải qua các giai đoạn xây dựng và trưởng thành từ trường mầm non bán công đến tháng 12/2010 được chuyển đổi thành trường mầm non công lập theo Đề án 03/ĐA-UBND ngày 05/7/2010 của UBND tỉnh Ninh Bình và vẫn mang tên “Trường Mầm non Ninh Khang”.

Trường Mầm non Ninh Khang có 2 điểm, điểm Đại Phú đặt ở vị trí trung tâm, tại thôn Khánh Trung, điểm Bạch Cừ đặt ở vị trí tại Phần Thượng, xã Ninh Khang, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, thuận lợi cho việc phụ huynh đưa trẻ đến trường. Trường có tổng diện tích 6.120,9 m², có 14 phòng (trong đó: Khu trung tâm: 08 phòng, khu lẻ: 06 phòng); 12 phòng hành chính, chức năng (Phòng Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, phòng Nhân viên, phòng Y tế, phòng Vi tính, phòng Âm nhạc và PTTC, phòng Hội trường, phòng Văn phòng, phòng Kế toán, phòng Bảo vệ, 02 bếp nuôi), có đủ công trình phụ trợ: Sân chơi, tường rào, vườn cỏ tích, khu vui chơi Giao thông, khu PTTC, vườn hoa, vườn rau đảm bảo qui chuẩn.

Trường được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3, chuẩn quốc gia mức độ 2 năm học 2018-2019. Sau hơn 40 năm phát triển nhà trường đã đạt được các danh hiệu như: Tập thể lao động LĐTĐ cấp huyện, Tập thể LĐXS cấp tỉnh; Bằng khen Chủ tịch UNND Tỉnh; Cờ thi đua “Đơn vị dẫn đầu trong các phong trào thi đua”; Đạt trường học Xanh – sạch – đẹp – an toàn – hạnh phúc. Chi bộ đạt, công đoàn, đoàn thanh niên HTTNV và HTXSNV.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

- Họ và tên: Lê Thị Thúy
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Số điện thoại: 0984.303.778
- Email: lethuy83mamnon@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

- Quyết định Số 1067/QĐ-UBND, ngày 20/12/2010 của UBND huyện Hoa Lư về việc chuyển đổi các trường mầm non bán công sang trường mầm non công lập;

- Quyết định công nhận Hội đồng trường: Quyết định số 1486/QĐ-UBND, ngày 25/10/2021 của UBND huyện Hoa Lư về việc Thành lập Hội đồng trường, trường Mầm non Ninh Khang nhiệm kỳ 2021-2026; Quyết định số 614/QĐ-UBND, ngày 28/04/2023 của UBND huyện Hoa Lư về việc kiện toàn Hội đồng trường, trường Mầm non Ninh Khang nhiệm kỳ 2021-2026.

- Cán bộ quản lý nhà trường:

+ Bà Lê Thị Thúy, chức vụ Hiệu trưởng. Quyết định điều động, bổ nhiệm: số 304/QĐ-UBND ngày 08/3/2021 về việc điều động và bổ nhiệm Hiệu trưởng trường Mầm non Ninh Khang.

- Email: lethuy83mamnon@gmail.com

+ Bà Nguyễn Thị Huyền Trang, chức vụ Phó hiệu trưởng. Quyết định điều động, bổ nhiệm: số 757/QĐ-UBND ngày 14/6/2021 về việc điều động và bổ nhiệm cán bộ quản lý trường học.

- Email: trangmnnk17062021@gmail.com

+ Bà Nguyễn Thị Duyên chức vụ Phó hiệu trưởng. Quyết định số 2591/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 về việc bổ nhiệm lại phó hiệu trưởng trường MN Ninh Khang;

- Email: ntduyen1968@gmail.com

- Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

+ Chiến lược phát triển nhà trường: Kế hoạch số 258/KH-MNKK, ngày 02/10/2023 của trường Mầm non Ninh Khang, kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển trường MN Ninh Khang giai đoạn 2023-2025, tầm nhìn đến năm 2030.

+ Quy chế dân chủ: Quyết định số 208/QĐ-MNKK, ngày 07/10/2024 của trường Mầm non Ninh Khang về ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường.

+ Quy chế làm việc: Quyết định số 207/QĐ-MNKK, ngày 07/10/2024 của trường Mầm non Ninh Khang về ban hành Quy chế làm việc và nội quy của trường MN Ninh Khang năm học 2024-2025.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ đào tạo

TT	Vị trí việc làm	Tổng số	Trình độ đào tạo				Hạng chức danh nghề nghiệp		
			ThS	ĐH	CD	TC	Hạng I	Hạng II	Hạng III
I	Cán bộ quản lý								
1	Hiệu trưởng	1		1				1	
2	Phó hiệu trưởng	2		2				2	
II	Giáo viên								
1	Giáo viên nhà trẻ	8		8				7	1
2	Giáo viên mẫu giáo	22		22				11	11
3	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0							
III	Vị trí việc làm chuyên môn dùng chung								
1	Văn thư	0							

2	Kế toán	1		1					
3	Thủ quỹ	0							
4	Thư viện	0							
IV	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ								
1	Y tế học đường	0							
2	Nhân viên Bảo vệ	2							
3	Nhân viên nấu ăn	7			7				
4	Nhân viên phục vụ	1							

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

TT	Cán bộ, giáo viên	Tổng số	Chuẩn nghề nghiệp							
			Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Hiệu trưởng	1	1	100						
2	Phó hiệu trưởng	2	2	100						
3	Giáo viên	30	21	70	8	30				

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo qui định

STT	Đội ngũ	Hoàn thành bồi dưỡng năm học 2023-2024	
		Số lượng	Tỷ lệ %
1	Cán bộ quản lý	3	100
2	Giáo viên	30	100
3	Nhân viên	1	100
Tổng cộng		34	

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	14	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	14	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
III	Số điểm trường	2	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	6120,9	18

V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	3264,6	9,5
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	1080	3,1
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	48	0,1
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	44	0,1
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	633	1,8
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	0	
6	Diện tích phòng GD nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	128	0,4
7	Diện tích nhà bếp đúng quy cách (m ²)	240	0,7
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	1658	Thiết bị/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	1232	82,1/nhóm (lớp)
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu theo quy định	426	28,4/nhóm (lớp)
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	18	9/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số, tivi v.v...)	20	
IX	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)	120	
1	Đồ dùng giáo viên tự làm	115	

XI	Nội dung Nhà vệ sinh	Số lượng(m²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	3	0	14	0	0,09
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

	Nội dung	Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Trường Mầm non Ninh Khang đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 3 theo quyết định số Số 1447/QĐ-SGDĐT ngày 11/12/2014 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	342	0	6	51	94	82	109
1	Số trẻ em nhóm ghép	0	0	0	0	0	0	0
2	Số trẻ em 1 buổi/ngày	0	0	0	0	0	0	0
3	Số trẻ em 2 buổi/ngày	342	0	6	51	94	82	109
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0	0	0	0	0	0	0
II	Số trẻ em được tổ chức ăn tại cơ sở	342	0	6	51	94	82	109
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	342	0	6	51	94	82	109
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	342	0	6	51	94	82	109
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ cân nặng bình thường	338	0	6	51	91	81	109
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	4	0	0	0	3	1	0
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	335	0	6	50	92	79	108
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	7	0	0	1	2	3	1
5	Số trẻ thừa cân béo phì	3	0	0	1	1	0	1
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục							
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	57	0	6	51			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	285				94	82	109

- 100% nhóm, lớp thực hiện hiệu quả trình giáo dục mầm non do Bộ GD&ĐT ban hành, linh hoạt ứng dụng các phương pháp giáo dục tiên tiến STEAM, Montessori trong thực hiện chương trình, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

- 100% trẻ 5 tuổi đến trường được học 02 buổi/ngày, trẻ đạt hoàn thành CTGDMN do Bộ giáo dục ban hành.

- Xã được công nhận đạt chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Thu, chi tài chính trong năm học 2024 - 2025

Năm học 2024-2025 trường Mầm non Ninh Khang thực hiện thu, quản lý sử dụng các khoản thu theo qui định, thu dịch vụ phục vụ hỗ trợ các hoạt động giáo dục

cụ thể như sau:

1.1. Thu theo quy định:

Học phí: Mức thu: - Nhà trẻ: + 85.000đ/ trẻ/tháng (nông thôn);
+ 135.000đ/trẻ/tháng (thành phố)
- Mẫu giáo: + 73.000đ/trẻ/tháng (nông thôn)
+ 113.000đ/trẻ/tháng (thành phố).

(Trẻ lớp mẫu giáo 5 tuổi được miễn học phí)

- **Tổng thu học phí năm học 2024-2025: 160.693.000 đồng. Trong đó:**

+ Tổng thu học phí học kì I là 70.052.000 đồng.

+ Tổng thu học phí kì II là 90.641.000 đồng.

- **Tổng chi: 160.693.000 đồng, trong đó:**

+ Nộp kho bạc nhà nước: 160.693.000đồng.

- **Cân đối: 0 đồng.**

1.2. Các khoản thu dịch vụ phục vụ hỗ trợ các hoạt động giáo dục ngoài ngân sách trong trường học

a) Tiền ăn bán trú:

- Mức thu: 20.000đ/trẻ/ngày

- Mức chi: Chi các bữa ăn của trẻ tại trường

+ Chi ăn: 2 bữa chính, 1 bữa phụ

+ Chi chất đốt và phụ phí.

Nhà trường bán phiếu ăn cho trẻ ăn hàng ngày và thanh toán với phụ huynh hàng tháng theo số phiếu, số ngày trẻ ăn thực tế. Cân đối thu đủ bù chi trong ngày ăn của trẻ. Cụ thể tổng thu, chi tính đến hết ngày 28/05/2025:

- Tổng thu: 50.888 phiếu ăn = 1.017.760.000 đồng.

- Tổng chi: 49.727 phiếu ăn = 994.540.000 đồng, trong đó:

+ Chi mua thực phẩm: 944.814.950 đồng.

+ Chi phụ phí, chất đốt (ga): 49.725.050 đồng.

- Cân đối dư cuối năm học 2024-2025: 1.161 Phiếu ăn = 23.220.000đ (số phiếu trẻ chưa ăn, trả lại phụ huynh học sinh).

b) Tiền chăm sóc bán trú

- Mức thu: 150.000 đ/học sinh/tháng.

- Mức chi:

+ Chi trả lương cho 07 nhân viên nuôi dưỡng học đồng trường từ tháng 09/2024 đến tháng 05/2025 (09 tháng, mức lương: 4.500.000đ/ tháng).

+ Chi công trực trưa cho CBQL, GV: khoảng 48.000đồng/ buổi trực.

- Tổng thu tính đến 28/05/2025: 435.000.000 đồng;

- Tổng chi: 435.000.000 đồng.

+ Chi trả công cô nuôi: 283.500.000đồng.

+ Chi trả công trực trưa cho CBQL, GV: 151.500.000 đồng

- Cân đối dư cuối năm: 0 đồng.

c) Tiền mua sắm dụng cụ, đồ dùng phục vụ nấu ăn và đồ dùng cá nhân cho học sinh bán trú

- Mức thu: 80.000 đ/học sinh/năm học (Trẻ cũ)

150.000 đ/học sinh/năm học (Trẻ mới)

- Mức chi: Mua sắm bổ sung đồ dùng nhà bếp, đồ dùng phục vụ ăn ngủ bán trú của trẻ, mua sắm ngay từ đầu năm học.

- Tổng thu: 34.410.000 đồng.

- Tổng chi: 34.410.000 đồng

- Cân đối dư cuối năm : 0 đồng.

d) Nước uống

- Mức thu : 15.000 đ/học sinh/tháng.

- Mức chi: Trả tiền nước uống hàng ngày của trẻ cho công ty TNHH thương mại An Hưng Việt 02 kỳ/ năm học.

- Tổng thu năm học 2024-2025: 45.855.000 đồng

- Tổng chi năm học 2024-2025: 45.855.000 đồng

- Cân đối dư cuối năm: 0 đồng

e) Đồ dùng vệ sinh

- Mức thu: 15.000đ/học sinh/tháng.

- Mức chi: mua sắm đồ dùng, dụng cụ vệ sinh cá nhân (găng tay, chổi, xô, chậu, nước vệ sinh, giấy vệ sinh, xà phòng, nước tẩy vệ sinh, nước lau sàn, nước rửa tay dùng trong nhà vệ sinh...) và các chi phí khác có liên quan.

- Tổng thu: 45.855.000 đồng

- Tổng chi: 45.855.000 đồng.

- Cân đối dư cuối năm học: 0 đồng.

1.3. Các khoản thu hộ

Bảo vệ: Trong năm học 2024-2025, nhà trường đã tạo điều kiện cho các

công ty bảo việt vào trường vận động phụ huynh tự nguyện đóng tiền bảo việt cho các cháu để chăm lo sức khỏe cho các cháu những lúc đi viện, ốm đau.

- Đối tượng tham gia: Học sinh Từ 1 đến 5 tuổi.

- Mức đóng: 150.000đ/trẻ/năm

- Tổng số trẻ tham gia: 278 trẻ x 150.000đ/trẻ = 41.700.000đ (*Đã nộp toàn bộ về các công ty bảo việt*)

- Trong học năm học đã bảo vệ và chi trả chế độ nằm viện, ốm đau cho 37 học sinh với tổng số tiền là **13,520,000đồng**.

1.4. Các khoản vận động, tài trợ

Năm học 2024-2025 nhà trường đã xây dựng kế hoạch vận động tài trợ của các tổ chức, cá nhân nhằm bổ sung trang thiết bị, đồ dùng phục vụ dạy và học và cải tạo, sửa chữa, XD các hạng mục công trình trường, lớp học: tổng kinh phí dự kiến vận động tài trợ: **46.132.500đ**, trong đó:

Tính đến ngày 28 tháng 05 năm 2024 nhà trường đã được các bậc phụ huynh tài trợ hiện vật bao gồm:

- Khu Đại Phú: PHHS ủng hộ 166m² cỏ nhân tạo màu xanh trị giá 17.430.000đ.

- Khu Bạch Cù PHHS ủng hộ: 37m³ đá mặt, 17.2m³ bê tông trị giá 23.407.000đ.

- Khu Bạch Cù PHHS ủng hộ: 108m² cỏ nhân tạo màu xanh trị giá 11.389.000đ

Tổng giá trị hiện vật tài trợ qui ra tiền là: **52.226.000** đồng.

1.5. Kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh trường:

- Kinh phí hoạt động của Ban đại diện CMHS trường trích từ quỹ PHHS các nhóm, lớp và các nguồn ủng hộ, tài trợ từ các nhà hảo tâm. Nguồn kinh phí được giao cho Bà Cao Thị Kim Oanh hội phó phụ huynh làm thủ quỹ và ghi chép, cuối năm học có trách nhiệm lập báo cáo kết quả thu, chi kinh phí của Ban đại diện CMHS và công khai cho toàn thể phụ huynh trường được biết, cụ thể thu, chi cuối

năm học 2024-2025:

- Tổng kinh phí được PHHS ủng hộ: 16.700.000 đồng.

- Tổng chi: 16.700.000 đồng.

Phần chi: Bao gồm chi phô tô tài liệu họp PHHS, mua bánh kẹo thưởng cho trẻ trong các ngày lễ hội, chuyên đề, hoạt động ngoại khoá, thăm hỏi trẻ ốm đau....

- Cân đối dư cuối năm: 0 đồng.

2. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học

Trong năm học 2024 - 2025 nhà trường thực hiện chế độ chính sách đối với học sinh thuộc diện miễn giảm học phí cụ thể như sau:

STT	Năm học	Số học sinh	Số tiền miễn giảm học phí	Số tiền hỗ trợ ăn trưa cho trẻ	Tổng
1	Kì I năm học 2024-2025	01	146.000	640.000	786.000
2	Kì II năm học 2024-2025	109	75,510.000	0	0
	Tổng	110	75,656.000	640.000	786.000

(Ghi chú: Học kỳ II năm học 2024-2025 thực hiện miễn học phí cho trẻ em 5 tuổi).

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Chỉ đạo thực hiện tốt các chuyên đề trọng tâm trong năm học

Năm học 2024-2025 nhà trường đã tổ chức thành công các chuyên đề, các hoạt động mẫu về đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục các lĩnh vực ở từng độ tuổi, cụ thể:

- 100% các nhóm lớp thực hiện tốt chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm, giai đoạn 2021-2025”; xây dựng môi trường trong lớp học, ngoài lớp học đạt các tiêu chí của chuyên đề. Trẻ luôn tích cực, chủ động tham gia hoạt động, làm việc theo cặp, theo nhóm trải nghiệm, trao đổi, chia sẻ, trình bày ý kiến.

- 100% các nhóm lớp thực hiện tốt chuyên đề An toàn giao thông, thông qua tổ chức chương trình “Tôi yêu Việt Nam” nhằm giáo dục trẻ ý thức chấp hành luật giao thông. Phối hợp với công an xã xây dựng mô hình “cổng trường an toàn giao thông” tuyên truyền ý thức văn minh khi tham gia giao thông tới học sinh và toàn thể phụ huynh trong nhà trường.

+ Chuyên đề: Đổi mới hình thức tổ chức hoạt động giáo dục trong các lĩnh vực phát triển: Thẩm mỹ, nhận thức, ngôn ngữ, thể chất cho trẻ ở các độ tuổi. Đặc biệt là các chuyên đề về ứng dụng các phương pháp giáo dục tiên tiến như STEAM, Montessori.

- Trong năm học nhà trường cũng tổ chức tốt các chuyên đề khác như: Chuyên đề: “Cháu là chiến sĩ tí hon”; “Ngày hội thể thao của bé”; chuyên đề về dinh dưỡng “Bữa cơm gia đình với chủ đề Tết sum vầy”; “Ngày hội Bé vui đọc sách, kể chuyện mầm non”, Chuyên đề nâng cao chất lượng cho trẻ làm quen tiếng Anh với hội thi “Trạng Nguyên Nhí”, chuyên đề “Hành trang cho trẻ vào lớp Một”.... Các chuyên đề được các cấp, các ngành quan tâm, PHHS nhiệt tình tham gia hoạt động cùng trẻ, tạo sân chơi bổ ích, giúp trẻ phát triển toàn diện, PHHS thêm gắn kết hơn với nhà trường và yên tâm gửi con đến trường.

- Bên cạnh đó, nhà trường đã tổ chức tốt nhiều hoạt động lễ hội, hoạt động trải nghiệm cho trẻ như: Tết trung thu, Bé vui đón Tết, trải nghiệm gói bánh chưng, trải nghiệm dự Tiệc Buffet, trải nghiệm theo bước chân chú bộ đội hành quân...

- Tổ chức các hội thi trong nhà trường và tích cực tham gia các hội thi cấp huyện, cấp tỉnh, cụ thể: Cấp trường có “Hội thi văn nghệ chào mừng 42 năm ngày nhà giáo Việt Nam hội thi kể chuyện mầm non... có các học sinh các nhóm, lớp nhà trẻ, mẫu giáo tham gia thể hiện tài năng diễn xuất nghệ thuật của mình như đọc thơ,

kể chuyện, hát...; Tích cực tham gia hội thi GVG cấp huyện, cấp tỉnh. Hội thi đã mang lại niềm vui và giúp trẻ phát triển tư duy toàn diện.

- Các tổ chuyên môn, các nhóm, lớp tích cực xây dựng môi trường hoạt động, lồng ghép tích hợp nội dung giáo dục và các hoạt động giáo dục theo các chuyên đề của nhà trường và các chuyên đề theo lĩnh vực phát triển của trẻ đồng thời tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị để tiếp tục thực hiện chuyên đề.

2. Thực hiện tốt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đạt chuẩn và nâng chuẩn cho đội ngũ CBGVNV nhà trường

- Nhà trường có 100% CBQL và giáo viên đạt trình độ trên chuẩn về đào tạo chuyên môn. Chỉ đạo thực hiện tốt kế hoạch BDTX cho đội ngũ CBQL và GV, kết quả:

+ 100% CBQL, GV tham gia học tập bồi dưỡng về ứng dụng phương pháp giáo dục STEAM được cấp giấy chứng nhận.

+ 100% CBQL, Giáo viên tích cực học tập BDTX được đánh giá BDTX đạt và đạt loại khá, giỏi; không có CBQL, GV nào không đạt.

3. Thực hiện tốt các cuộc vận động, các phong trào thi đua do ngành, và địa phương phát động.

4. Làm tốt công tác tuyên truyền, xã hội hóa đến các bậc cha mẹ và cộng đồng cùng chăm lo cho GDMN.

5. Tập thể CBGVNV nhà trường đoàn kết, không ngừng nỗ lực hoàn thành tốt và xuất sắc nhiệm vụ được giao. Trong năm không có CBGVNV nào vi phạm pháp luật, đạo đức nhà giáo, nội quy, quy định của ngành của trường.

Nơi nhận:

- CBGVNV;
- Đảng công TTĐT;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Thuý